

Bản án số: **26/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 13/5/2019
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thành Đoàn;
2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Cheng Shih C , sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm 001, phường L , khu V , thành phố Đ, Đài Loan.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Thu L , sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, Việt Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn ông Cheng Shih C trình bày: Ông và bà Đỗ Thị Thu L do mai mối và tiến tới hôn nhân năm 2018, đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 03/10/2018 tại Ủy ban nhân dân huyện T , tỉnh An Giang.

Quá trình chung sống giữa ông và bà L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin ly hôn với bà Đỗ Thị Thu L .

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại tờ tự khai ngày 18/4/2019 bị đơn bà Đỗ Thị Thu L trình bày: Bà và ông Cheng Shih C do mai mối tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Do vợ chồng sống xa cách nhau nên tình cảm không còn và cũng không thể hàn gắn được. Ông Cheng Shih C yêu cầu được ly hôn, bà đồng ý yêu cầu ly hôn của ông Cheng Shih C .

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Do công việc ở xa, không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn này nên bà yêu cầu được vắng mặt.

Hội đồng xét xử đã công bố bản tự khai của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Cheng Shih C , sinh ngày 21/4/1979, nơi cư trú: Đài Loan; Bị đơn cư trú: xã V , huyện T , tỉnh An Giang, Việt Nam. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Cheng Shih C và bà Đỗ Thị Thu L do mai mối và tiến tới hôn nhân năm 2018, có tổ chức đám cưới tại xã V , huyện T , đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 03/10/2018 tại Ủy ban nhân dân huyện T , tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của nguyên đơn thừa nhận về tình cảm của vợ chồng không được vun đắp và ngày càng trở nên phai nhạt do hoàn cảnh địa lý cách xa, không có điều kiện chung sống nên nguyên đơn có yêu cầu ly hôn.

Bị đơn bà Đỗ Thị Thu L cũng có văn bản ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông Cheng Shih C .

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa ông Cheng Shih C và bà L không đạt được nên chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông đối với bà L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc ông Cheng Shih C xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông Cheng Shih C và bà Đỗ Thị Thu L trong thời kỳ hôn nhân thì ông Cheng Shih C và bà Đỗ Thị Thu L phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cheng Shih C ;

1. Ông Cheng Shih C được ly hôn với bà Đỗ Thị Thu L .

Giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 03/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận việc ông Cheng Shih Chieh xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông Cheng Shih C và bà Đỗ Thị Thu L trong thời kỳ hôn nhân thì ông Cheng Shih C và bà Đỗ Thị Thu L phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Cheng Shih C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002637 ngày 06/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông Cheng Shih C đã nộp đủ.

Thời hạn kháng cáo của ông Cheng Shih C và bà Đỗ Thị Thu L là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân nhân tỉnh An Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân dân huyện T , tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV – THA;
- Tòa gia đình và Người chưa thành niên;
- Văn phòng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Vũ